TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 79/2026/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Anh Nguyễn Vi A; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Đ, tỉnh Lai Châu.

- Người yêu cầu: Chị Bạch Thị T; sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Đ, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A chung sống với nhau như vợ chồng và đi đăng ký kết hôn ngày 19/3/2016 tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là cả hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm giữa anh chị không còn, nên quyết định cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Chị T và anh A cũng đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con cái, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Chị T và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A.

- Về việc nuôi con: Chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A có một con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 02/11/2019. Chị T và anh A thỏa thuận như sau:

Chị Bạch Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A thỏa thuận anh Nguyễn Vi A cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N số tiền 8.000.000 đồng /tháng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/02/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh An chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Nguyễn Vi A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Vi A thỏa thuận chị T là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị Bạch Thị T đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000005 ngày 05/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân Anh